TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/KDTM-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thuý Trân

2. Ông Nguyễn Trí Dũng

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Phan Mỹ Dung- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2023/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2023/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;

Địa chỉ: L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Đức T; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 692/2023/UQ-PGD ngày 28/8/2023 (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3;

Địa chỉ: đường số D, Khu dân cư A I, xã P, huyện B, Thành phố Hồ chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái Hoài T1; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thái Hoài T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ C, Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: HQ1, Chung cư H, Ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022 và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt là V1) và Công ty TNHH T3 (sau đây viết tắt là Công ty T3) có ký kết các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng cho vay số H09/2020132 ngày 03/04/2020;

- Hợp đồng cho vay số H09/20368 ngày 29/9/2020;

- Hợp đồng cho vay H09/21016 ngày 06/01/2021.

Tổng số tiền Công ty T3 vay nợ là 4.067.780.987 đồng, theo Khế ước nhận nợ như sau:

1. Đối với Hợp đồng cho vay số H09/2020132 ngày 03/04/2020, hạn mức cho vay là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 17.7%/năm. Lãi suất được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất điều chỉnh 01 tháng một lần theo lãi suất bán vốn cộng thêm biên độ 12%/năm. Số tiền thực tế cho vay là 1.200.877.176 đồng, được giải ngân theo các Khế ước nhận nợ sau:

a) Khế ước nhận nợ Lần: 13/Số: H09/20132-13 ngày 25/03/2021 với số tiền vay: 196.000.000 đồng. Trả 01 lần nợ gốc vào ngày 25/8/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/04/2021.

b) Khế ước nhận nợ Lần: 12/Số: H09/20132-12 ngày 20/03/2021 với số tiền vay: 158.377.176 đồng. Trả 01 lần nợ gốc vào ngày 20/8/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trà 01 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/04/2021.

c) Khế ước nhận nợ Lần: 11/Số: H09/20132-11 ngày 16/03/2021 với số tiền vay: 244.500.000 đồng. Trả 01 lần nợ gốc vào ngày 16/8/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 15, kỷ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/04/2021.

d) Khế ước nhận nợ Lần: 10/Số: H09/20132-10 ngày 26/02/2021 với số tiền vay: 470.000.000 đồng. Trả 01 lần nợ gốc vào ngày 26/07/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/03/2021.

e) Khế ước nhận nợ Lần: 09/Số: H09/20132-9 ngày 23/02/2021 đối với số tiền vay: 132.000.000 đồng. Trả 01 lần nợ gốc vào ngày 23/07/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/03/2021.

Công ty T3 đã trả cho V1 số tiền nợ gốc là 96.189 đồng, nợ lãi: 74.182.894 đồng, tổng cộng: 74.279.083 đồng. Tạm tính đến ngày 07/09/2023, Công ty T3 còn nợ V1 đối với Hợp đồng cho vay số H09/2020132 ngày 03/04/2020 số tiền 1.915.135.492 đồng, trong đó nợ gốc 1.200.780.987 đồng; lãi quá hạn 629.110.426 đồng; lãi phạt chậm trả: 85.244.079 đồng.

2. Đối với Hợp đồng cho vay số H09/20368 ngày 29/9/2020 hạn mức cho vay là 1.890.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 9.7%/năm, cố định 01 tháng đầu tiên. Điều chỉnh lãi suất 01 tháng một lần, theo mức lãi suất bán vốn, cộng với biên độ 4%/năm. Thực tế số tiền cho vay là là 1.770.000.000 đồng được giải ngân theo các khế ước nhận nợ như sau:

a) Khế ước nhận nợ Lần: 06/Số: H09/20368-06 ngày 05/01/2021 đối với số tiền vay: 800.000.000 đồng. Trả 1 lần nợ gốc vào ngày 05/6/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/02/2021.

b) Khế ước nhận nợ Lần: 07/Số: H09/20368-07 ngày 23/4/2021 với số tiền vay: 120.000.000 đồng. Trả 1 lần nợ gốc vào ngày 23/9/2021. Các kỷ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2021.

c) Khế ước nhận nợ Lần: 08/Số: H09/20368-08 ngày 29/4/2021 với số tiền vay: 350.000.000 đồng. Trả 1 lần nợ gốc vào ngày 29/09/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2021.

d) Khế ước nhận nợ Lần: 09/Số: H09/20368-09 ngày 07/5/2021 với số tiền vay: 500.000.000 đồng. Trả 1 lần nợ gốc vào ngày 07/10/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỷ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2021.

Công ty T3 đã trả cho V1 số tiền 1.821.175.606 đồng; trong đó: nợ gốc là 1.750.601.960 đồng; nợ lãi: 70.573.646 đồng. Tạm tính đến ngày 07/09/2023, Công ty T3 còn nợ V1 đối với Hợp đồng cho vay số H09/20368 ngày 29/9/2020 số tiền 282.421.795 đồng; trong đó: nợ gốc là 19.398.040 đồng; lãi quá hạn 226.03.037 đồng; lãi phạt chậm trả 36.991.718 đồng.

3. Đối với Hợp đồng cho vay số H09/21016 ngày 06/01/2021 được giải ngân với số tiền vay: 1.097.000.000 đồng, thời hạn vay: 70 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, mua tài sản cố định. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 8.3%/năm, cố định 12 tháng đầu tiên. Điều chỉnh lãi suất 01 tháng một lần, theo mức lãi suất bán vốn, cộng với biên độ 5,8%/năm.

Khế ước nhận nợ lần 01/ số: H09/21016-01 ngày 06/1/2021; với số tiền vay 1.097.000.000 đồng. Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỷ trả đầu tiên vào ngày 15/02/2021. Mỗi kỳ trả 15.670.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 15.770.000 đồng. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỷ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/2/2021.

Công ty T3 đã trả cho V1 số tiền 225.885.739 đồng; trong đó nợ gốc: 101.247.502 đồng; nợ lãi: 124.638.237 đồng. Tạm tính đến ngày 07/09/2023,

Công ty T3 còn nợ đối với Hợp đồng cho vay số H09/21016 ngày 06/01/2021 số tiền 1.279.168.696 đồng, trong đó, nợ gốc 995.752.498 đồng; lãi quá hạn 250.754.476 đồng; lãi phạt chậm trả 32.661.721 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 thế chấp 01 (một) Xe ô tô con nhãn hiệu PEUGEOT Số loại 5008, số khung RN2NJEP6ZLM046658, số máy: 581357510UF205G02, BKS: 51H-806.94 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 000092 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 05/01/2021 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số H09/21017 ngày 06/01/2021 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, V1 đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên.

- Ông Nguyễn Thái Hoài T1 Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thái Hoài T1 theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/20133 ngày 03/4/2020.

- Ông Nguyễn Minh P Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Minh P theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/20134 ngày 03/4/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T3 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 15/9/2021. V1 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty T3, người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty T3 và người bảo lãnh cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty T3 phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 07/9/2023 là: 3.476.725.983 đồng (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 2.215.931.525 đồng (Hai tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn là 1.105.896.939 đồng (Một tỷ một trăm lẻ năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi chín đồng); lãi phạt 154.897.518 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 08/9/2023, Công ty T3 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

2. Trường hợp Công ty T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền yêu cầu phát mại tài sản là Xe ô tô con nhãn hiệu PEUGEOT, Số loại 5008, SK: RN2NJEP6ZLM046658, SM: 581357510UF205G02, BKS: 51H-806.94 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 000092 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 05/01/2021 để thu hồi nợ.

3. Trường hợp Công ty T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ nêu trên thì ông Nguyễn Thái Hoài T1 và ông Nguyễn Minh P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T3 theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với V1.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 ông Nguyễn Thái Hoài T1 trình bày:

Ông Nguyễn Thái Hoài T1 là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty T3 xác nhận đã ký các Hợp đồng vay và còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 01/6/2023 là 3.304.577.965 đồng.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 thế chấp 01 (một) Xe ô tô con nhãn hiệu PEUGEOT Số loại 5008, SK: RN2NJEP6ZLM046658, SM: 581357510UF205G02, BKS: 51H-806.94 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 000092 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 05/01/2021 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số H09/21017 ngày 06/01/2021. Nay Công ty T3 đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Nay do tình hình kinh doanh của Công ty đang gặp khó khăn và không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Công ty có thiện chí trả nợ tuy nhiên hoạt động kinh doanh không có lợi nhuận nên không có khả năng thanh toán. Yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do hiện tại sinh sống tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do đó ông Thương yêu c Toà án giải quyết vắng mặt, ông bảo lưu ý kiến tại bản tự khai và biên bản hoà giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái Hoài T1 trình bày:

Ông T1 xác nhận có ký bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/20133 ngày 03/4/2020. Nay Công ty T3 không có khả năng trả nợ thì ông T1 đồng ý thực hiện việc bảo lãnh để xử lý nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh P:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ông Nguyễn Minh P đã đến Toà làm việc, tuy nhiên tại buổi làm việc ông P không ký vào biên bản hoà giải của Toà án, do đó Toà án tiến hành lập biên bản không tiến hành hoà giải được và ghi nhận ý kiến của nguyên đơn. Ông Nguyễn Minh P đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông P vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Công ty T3 phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 trả số tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Căn cứ Đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022 và Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 29/8/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H thì địa chỉ trụ sở của Công ty T3 tại G đường số D, KDC 13E Intresco, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó ngày 02/11/2022 Toà án nhân dân huyện Bình Chánh thụ lý hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại theo đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Công văn xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư và nhận được Công văn trả lời số 4860 ngày 13/6/2023 cung cấp về thông tin của Công ty T3, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 03/11/2022 thì Công ty T3 đã chuyển đến địa chỉ 7 đường P, khu phố B, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Toà án nhân dân huyện Bình Chánh thụ lý vụ án trước thời điểm Công ty T3 thay đổi địa chỉ mới nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

2.1 Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 01/6/2023, bị đơn là Công ty T3 do ông Nguyễn Thái H T1 là người đại diện theo pháp luật có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải; ông Nguyễn Minh P đã đến Toà làm việc, tuy nhiên tại buổi làm việc ông P không ký vào biên bản hoà giải của Toà án, do đó Toà án tiến hành lập biên bản không tiến hành hoà giải được và ghi nhận ý kiến của nguyên đơn. Ông Nguyễn Minh P đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông P vắng mặt không có lý do, do vậy việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào các Hợp đồng vay gồm Hợp đồng cho vay số H09/2020132 ngày 02/04/2020, số tiền vay là 1.200.877.176 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 17.7%/năm. Lãi suất được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất điều chỉnh 01 tháng một lần theo lãi suất bán vốn cộng thêm biên độ 12%/năm; Hợp đồng cho vay số H09/20368 ngày 29/9/2020 số tiền vay là 1.770.000.00 đồng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 9.7%/năm, cố định 01 tháng đầu tiên. Điều chỉnh lãi suất 01 tháng một lần, theo mức lãi suất bán vốn, cộng với biên độ 4%/năm; Hợp đồng cho vay số H09/21016 ngày 06/01/2021 được giải ngân với số tiền vay: 1.097.000.000 đồng, thời hạn vay: 70 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, mua tài sản cố định. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 8.3%/năm, cố định 12 tháng đầu tiên. Điều chỉnh lãi suất 01 tháng một lần, theo mức lãi suất bán vốn, cộng với biên độ 5,8%/năm. Nội dung các hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn Công ty T3 trong quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng vay vốn và các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 07/9/2023, Công ty T3 còn nợ ngân hàng V1 cụ thể như sau:

** Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/2020132 ngày 03/04/2020:*

+ Số tiền nợ gốc: 1.200.780.987 đồng (Một tỷ hai trăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

+ Số tiền nợ lãi quá hạn: 629.110.426 đồng (Sáu trăm hai mươi chín triệu một trăm mười nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng).

+ Số tiền nợ lãi phạt chậm trả: 85.244.079 đồng (T2 mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Tổng cộng: 1.915.135.492 đồng (Một tỷ chín trăm mười lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng).

** Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/20368 ngày 29/9/2020:*

+ Số tiền nợ gốc: 19.398.040 đồng (Mười chín triệu ba trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng).

+ Số tiền nợ lãi quá hạn: 226.033.037 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

+ Số tiền nợ lãi phạt chậm trả: 36.991.718 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm mười tám đồng).

Tổng cộng: 282.421.795 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

** Đối với Hợp đồng cho vay số H09/21016 ngày 06/01/2021*

+ Số tiền nợ gốc: 995.752.498 đồng (Chín trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng).

+ Số tiền nợ lãi quá hạn: 250.754.476 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm nảm mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

+ Số tiền nợ lãi phạt chậm trả: 32.661.721 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng).

Tổng cộng: 1.279.168.696 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Ngân hàng V1 yêu cầu Công ty T3 thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 08/9/2023, cho đến khi Công ty T3 thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín vay vốn và các khế ước nhận nợ đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Hợp đồng thế chấp xe số H09/21017 ngày 06/01/2021 đối với 01 (một) Xe ô tô con nhãn hiệu PEUGEOT Số loại 5008, SK: RN2NJEP6ZLM046658, SM: 581357510UF205G02, BKS: 51H-806.94 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 000092 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 05/01/2021 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Công văn số 52/CĐKGDBĐ-CCTT ngày 07/3/2023 của Cục Đ bảo đảm ngày 07/3/2023 với nội dung: "Căn cứ quy định tại khoản1 Điều 52, khoản 2 và khoản 3 Điều 53 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, căn cứ thông tin về số khung của phương tiện cho quý Toà cung cấp, Cục Đ cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số khung nêu trên của Công ty TNHH T3 trong văn bản gửi kèm công văn này". Như vậy có cơ sở cho thấy việc thế chấp tài sản bảo đảm giữa V1 và Công ty T3 là đúng trình tự và hợp pháp quy định tại các Điều 317, 463 của Bộ luật Dân sự và

Điều 7a, 12 của Văn bản hợp nhất Nghị định về giao dịch bảo đảm số 8019/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 của Bộ Tư pháp. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Căn cứ vào các Hợp đồng bảo lãnh số H09/20133 ngày 03/4/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H09/20134 ngày 03/4/2020 thì ông Nguyễn Thái Hoài T1 và ông Nguyễn Minh P có thực hiện việc bảo lãnh cho Công ty T3 đối với các hợp đồng tín dụng mà công ty ký với V1. Nay nguyên đơn V1 yêu cầu trong trường hợp Công ty T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Nguyễn Thái Hoài T1 và ông Nguyễn Minh P có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với Công ty T3 thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký. Các hợp đồng bảo lãnh được ký giữa ba bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty T3 phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của 03 hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là 3.476.725.983 đồng (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 2.215.931.525 đồng (Hai tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn là 1.105.896.939 đồng (Một tỷ một trăm lẻ năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi chín đồng); lãi phạt 154.897.518 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng). Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của 03 hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là 3.476.725.983 đồng (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 2.215.931.525 đồng (Hai tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn là 1.105.896.939 đồng (Một tỷ một trăm lẻ năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi chín đồng); lãi phạt 154.897.518 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng).

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 335, Điều 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền 3.476.725.983 đồng (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 2.215.931.525 đồng (Hai tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn là 1.105.896.939 đồng (Một tỷ một trăm lẻ năm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi chín đồng); lãi phạt 154.897.518 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng) theo các Hợp đồng Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/2020132 ngày 03/04/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/20368 ngày 29/9/2020 và Hợp đồng cho vay số H09/21016 ngày 06/01/2021 và các khế ước nhận nợ.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là 01 (một) Xe ô tô con nhãn hiệu PEUGEOT Số loại 5008, SK: RN2NJEP6ZLM046658, SM: 581357510UF205G02, BKS: 51H-806.94 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 000092 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 05/01/2021 theo

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số H09/21017 ngày 06/01/2021 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 có trách nhiệm thanh toán phần tiền còn lại. Đồng thời ông Nguyễn Thái Hoài T1 và ông Nguyễn Minh P có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số H09/20133 ngày 03/4/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H09/20134 ngày 03/4/2020 các bên đã ký.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì V1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty T3 toàn bộ các giấy tờ bản chính liên quan đến tài sản bảo đảm là Xe ô tô con nhãn hiệu PEUGEOT Số loại 5008, SK: RN2NJEP6ZLM046658, SM: 581357510UF205G02, BKS: 51H-806.94.

3. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 101.534.520 đồng (Một trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi đồng).

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.681.714 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm mười bốn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041843 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS huyện Bình Chánh
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết